

DANH SÁCH HỌC VIÊN THẠC SĨ KHÓA 2023-2025
THI CHỨNG CHỈ SINH HỌC PHÂN TỬ
Thời gian: 13 giờ 30 phút, Thứ Bảy 09/12/2023
Địa điểm: Giảng đường 4C

TT	SBD	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
1	31008	127231008	Trần Thế Bảo	15/11/1997	TP. Hồ Chí Minh	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
2	31010	127231010	Vũ Thị Diệp	02/03/1993	Nam Định	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
3	31011	127231011	Nguyễn Hoàng Lân	20/02/1997	TP. Hồ Chí Minh	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
4	31012	127231012	Lê Nhật Minh	05/01/1998	TP. Hồ Chí Minh	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
5	31013	127231013	Võ Gia Minh	12/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
6	31014	127231014	Đặng Thị Trà My	27/03/1994	Hà Nam	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
7	31015	127231015	Ngô Hà Yến Nhi	16/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
8	31016	127231016	Mai Thị Phương	24/06/1996	TP. Hồ Chí Minh	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
9	31017	127231017	Trần Nguyễn Minh Trung	18/12/1992	An Giang	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)	
10	31061	127231061	Vũ Thái Ngân Anh	07/12/1995	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	
11	31062	127231062	Võ Quang Dũng	06/12/1990	Quảng Ngãi	Ngoại khoa	
12	31063	127231063	Nguyễn Lê Phước Đường	20/11/1998	An Giang	Ngoại khoa	
13	31064	127231064	Phạm Thái Giang	12/11/1995	Kiên Giang	Ngoại khoa	
14	31065	127231065	Lê Thanh Hà	28/03/1994	Hà Nội	Ngoại khoa	
15	31066	127231066	Nguyễn Quang Huy	11/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	
16	31067	127231067	Trần Đăng Khoa	06/08/1994	Bình Thuận	Ngoại khoa	
17	31068	127231068	Lê Vũ Gia Linh	30/04/1996	Quảng Ngãi	Ngoại khoa	
18	31069	127231069	Trần Huỳnh Lộc	27/08/1995	Sông Bé	Ngoại khoa	
19	31070	127231070	Nguyễn Minh Luân	15/09/1998	Bình Định	Ngoại khoa	
20	31071	127231071	Lương Nguyễn Tấn Lực	06/09/1997	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	
21	31072	127231072	Nguyễn Bình Minh	28/01/1996	Quảng Ngãi	Ngoại khoa	
22	31073	127231073	Lê Thảo Nguyên	29/12/1995	Bến Tre	Ngoại khoa	
23	31074	127231074	Nguyễn Văn Sanh	21/01/1995	Quảng Nam	Ngoại khoa	
24	31075	127231075	Trần Xuân Sơn	29/10/1997	Gia Lai	Ngoại khoa	
25	31076	127231076	Võ Thị Minh Tâm	25/12/1995	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa	
26	31077	127231077	Lê Đạt Tấn	01/03/1994	Hậu Giang	Ngoại khoa	

27	31078	127231078	Huỳnh Trọng Tính	18/06/1994	Cà Mau	Ngoại khoa	
28	31079	127231079	Dương Trí Toàn	17/11/1997	Vĩnh Long	Ngoại khoa	
29	31080	127231080	Đặng Ngọc Tuyên	12/03/1998	Nghệ An	Ngoại khoa	
30	31081	127231081	Đỗ Hoàng Quốc An	01/03/1996	Long An	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
31	31082	127231082	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	15/01/1998	Quảng Nam	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
32	31083	127231083	Trần Đại Chí	28/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
33	31084	127231084	Nguyễn Thành Công	23/03/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
34	31085	127231085	Lê Văn Đại	15/12/1992	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
35	31086	127231086	Son Phát Đạt	26/01/1994	Sóc Trăng	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
36	31087	127231087	Đặng Nguyễn Minh Hải	18/08/1998	Đồng Nai	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
37	31088	127231088	Trần Quốc Hòa	16/07/1995	Tiền Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
38	31089	127231089	Điều Nguyễn Đăng Huy	23/04/1997	Bình Phước	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
39	31090	127231090	Huỳnh Quốc Huy	18/01/1992	Tiền Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
40	31091	127231091	Vũ Đăng Huy	20/04/1996	Hải Phòng	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
41	31092	127231092	Đặng Nguyên Lợi	17/05/1997	Trà Vinh	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
42	31093	127231093	Nguyễn Thành Lợi	26/08/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
43	31095	127231095	Phạm Hữu Minh	16/08/1995	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
44	31096	127231096	Phạm Hữu Nam	01/04/1995	Bình Định	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
45	31097	127231097	Trần Nam	25/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
46	31098	127231098	Trần Hoàng Ngọc	21/05/1996	An Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
47	31099	127231099	Nguyễn Xuân Nguyên	03/02/1998	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
48	31100	127231100	Phạm Ngọc Nhất	21/01/1996	Gia Lai	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
49	31101	127231101	Võ Thị Minh Nhật	21/11/1995	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
50	31102	127231102	Đỗ Tiến Phát	19/11/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
51	31103	127231103	Nguyễn Thành Phát	13/12/1996	Bạc Liêu	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
52	31104	127231104	Trần Tấn Phát	03/09/1996	Bình Dương	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
53	31105	127231105	Hồ Thiện Phúc	13/12/1997	Vĩnh Long	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
54	31106	127231106	Đỗ Minh Phương	05/06/1998	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
55	31107	127231107	Đình Như Quang	11/10/1997	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
56	31108	127231108	Nguyễn Thị Sách	06/12/1994	Bạc Liêu	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
57	31109	127231109	Nguyễn Thanh Thắng	18/02/1997	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
58	31110	127231110	Phan Ngọc Thi	24/09/1994	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	
59	31111	127231111	Lê Hoàng Vĩnh Thụy	17/06/1996	Tiền Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chính hình)	

60	31112	127231112	Đào Duy Tín	29/10/1998	Ninh Thuận	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	
61	31113	127231113	Thái Thị Thùy Trang	03/08/1997	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	
62	31114	127231114	Nguyễn Ái Trúc	22/12/1998	Bình Định	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	
63	31115	127231115	Dương Xuân Tư	12/10/1997	Hà Tĩnh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	
64	31116	127231116	Lê Thanh Tùng	01/01/1996	Bến Tre	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	
65	31117	127231117	Đoàn Gia Vĩ	04/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	
66	31118	127231118	Nguyễn Văn Việt	17/3/1996	Đà Nẵng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	
67	31119	127231119	Huỳnh Bảo Anh	28/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
68	31120	127231120	Ninh Quốc Nguyên Chương	12/11/1997	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
69	31121	127231121	Đào Minh Đức	09/11/1997	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
70	31122	127231122	Phạm Hữu Đức	08/05/1996	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
71	31123	127231123	Nguyễn Tấn Nguyên Khôi	27/09/1996	Bến Tre	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
72	31124	127231124	Phan Vũ Kỳ	10/11/1998	Phú Yên	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
73	31125	127231125	Vương Ngọc Minh	23/11/1995	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
74	31126	127231126	Nguyễn Đỗ Thành Nhân	23/04/1995	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
75	31127	127231127	Lê Hồ Quang Quân	02/08/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
76	31128	127231128	Lê Thị Kim Thủy	23/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
77	31129	127231129	Trần Công Trí	30/09/1992	Nghệ An	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
78	31130	127231130	Võ Công Trường	05/02/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)	
79	31131	127231131	Đỗ Thanh Tân	02/10/1990	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)	
80	31132	127231132	Phan Anh Vũ	03/05/1994	Bình Dương	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)	
81	31133	127231133	Đường Tuấn Bảo	01/08/1996	Bình Định	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và sọ não)	
82	31134	127231134	Vũ Thị Hải Hà	23/03/1996	Kiên Giang	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và sọ não)	
83	31135	127231135	Nguyễn Thế Phong	21/04/1996	Quảng Ngãi	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và sọ não)	
84	31136	127231136	Trần Văn Sang	16/08/1993	Quảng Nam	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và sọ não)	
85	31137	127231137	Tô Mạnh Tùng	15/05/1995	Tây Ninh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và sọ não)	
86	31138	127231138	Nguyễn Lê Thành Vinh	02/12/1997	Đồng Nai	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và sọ não)	
87	31139	127231139	Lê Đức Bảo	28/09/1994	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
88	31140	127231140	Phạm Thế Hoàng	25/03/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
89	31141	127231141	Võ Gia Hưng	15/12/1997	Cần Thơ	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
90	31142	127231142	Hoàng Quang Huy	04/10/1996	Hà Nội	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
91	31143	127231143	Huỳnh Quốc Huy	27/10/1998	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
92	31144	127231144	Phạm Ngọc Huy	29/03/1998	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	

93	31145	127231145	Trần Huỳnh Khoa	24/02/1998	Tây Ninh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
94	31146	127231146	Nguyễn Tuấn Khôi	26/08/1997	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
95	31147	127231147	Võ Hoài Nam	10/08/1997	Vĩnh Long	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
96	31148	127231148	Trần Như Quang	13/02/1997	Sóc Trăng	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
97	31149	127231149	Tang Chí Quyền	01/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
98	31150	127231150	Trần Hữu Tài	15/02/1989	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
99	31151	127231151	Trần Thanh Tùng	01/06/1996	Trà Vinh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
100	31152	127231152	Phạm Nguyên Vũ	16/05/1996	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	
101	31153	127231153	Lê Nguyễn Vũ Anh	06/11/1996	Ninh Thuận	Nhân khoa	
102	31154	127231154	Đào Thị Mỹ Châu	01/04/1994	Đắk Lắk	Nhân khoa	
103	31155	127231155	Phạm Thiên Hà Minh Châu	20/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	
104	31156	127231156	Võ Minh Khôi	20/04/1997	Long An	Nhân khoa	
105	31157	127231157	Lê Quang Long	20/12/1993	Hà Nội	Nhân khoa	
106	31158	127231158	Võ Gia Nghi	04/02/1997	An Giang	Nhân khoa	
107	31160	127231160	Lê Chí Thắng	20/08/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	
108	31161	127231161	Nguyễn Tấn Thịnh	12/02/1997	Quảng Nam	Nhân khoa	
109	31162	127231162	Trần Quang Thịnh	07/10/1994	Long An	Nhân khoa	
110	31163	127231163	Nguyễn Duy Tiến	23/10/1989	Bình Dương	Nhân khoa	
111	31164	127231164	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	13/04/1996	Phú Yên	Nhân khoa	

Ấn định danh sách 111 học viên.

TRUNG TÂM Y SINH HỌC PHÂN TỬ

Hiện diện:

Vắng mặt:

Tổng số bài thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2